

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, Sở Tư pháp nhận được bản giấy hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum*” (theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3832/STC-QLNS ngày 26 tháng 9 năm 2022) (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Thông tư số 13/2018/TT-BTC ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế, ngày 18 tháng 7 năm 2019, Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2022/TT-BTC hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế, thay thế Thông tư số 13/2018/TT-BTC⁽¹⁾. Theo đó, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 43/2022/TT-BTC quy định: “*Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương*”.

Qua rà soát và căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 143 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, việc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết: “*Ban hành mức chi bảo đảm cho công tác thỏa*

⁽¹⁾ Thông tư số 43/2022/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 9 năm 2022.

thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum” để thay thế Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật⁽²⁾.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 1 dự thảo quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết như sau: “*Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”; “*Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo quy định tại Luật Thỏa thuận quốc tế*”. Với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng dự kiến nêu trên được hiểu, Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác ký kết và thực hiện **tất cả** thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết này áp dụng đối với **tất cả** cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, cơ quan thẩm định nhận thấy, có một số thỏa thuận quốc tế mà bên ký kết Việt Nam là cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng chân trên địa bàn tỉnh nhưng không thuộc đối tượng quản lý của tỉnh⁽³⁾.

Như vậy, khi quy định thỏa thuận quốc tế được ký kết và thực hiện mà bên ký kết Việt Nam là cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng chân trên địa bàn tỉnh nhưng không thuộc đối tượng quản lý của tỉnh; áp dụng cho đối tượng là cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc đối tượng quản lý của tỉnh là chưa phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Từ vấn đề nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo, đảm bảo phù hợp với đối tượng thuộc quyền quản lý của tỉnh trong việc ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và cơ bản thống nhất với các văn bản đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo với lý do đã được cơ quan thẩm định trình bày tại Mục 2 Báo cáo này.

⁽²⁾ Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc xây dựng tại Thông báo số 39/TB-TTHĐND ngày 18 tháng 8 năm 2022.

⁽³⁾ Ví dụ: Sư đoàn 10.

3.2. Điểm b, khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết dự kiến mức chi cho soạn thảo thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế. Sở Tư pháp nhận thấy, điểm c, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP quy định nội dung chi xây dựng dự thảo thỏa thuận quốc tế, dự thảo thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung. Tuy nhiên, tại điểm b, khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ dự kiến quy định mức chi cho xây dựng mới dự thảo thỏa thuận quốc tế mà không tham mưu quy định mức chi cho xây dựng dự thảo thỏa thuận quốc tế sửa đổi, bổ sung. Trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ dự kiến tham mưu quy định mức chi cho xây dựng mới dự thảo thỏa thuận quốc tế, đề nghị thuyết minh, làm rõ lý do; đồng thời, chỉnh lý lại nội dung chi cho phù hợp, tránh việc viện dẫn đến toàn bộ điểm c, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP.

Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại mức chi đối với báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định tại điểm c, khoản 5 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP, cụ thể: Điểm c, khoản 5 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP quy định nội dung chi bao gồm xây dựng báo cáo, tổ chức các cuộc họp đánh giá báo cáo kiểm tra, giám sát, tổng kết tình hình ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế. Khoản 3 Điều 46 Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 quy định cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cơ quan cấp tỉnh của tổ chức, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hằng năm hoặc khi có yêu cầu, gửi Bộ Ngoại giao để theo dõi và tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Như vậy, báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cơ quan cấp tỉnh của tổ chức được thực hiện theo định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu. Tuy nhiên, tại điểm c, khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉ dự kiến quy định mức chi đối với nội dung là báo cáo tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, điểm c, khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết cũng chưa dự kiến mức chi cho nội dung tổ chức các cuộc họp đánh giá báo cáo kiểm tra, giám sát, tổng kết tình hình ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

3.3. Khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết dự kiến đối với các thỏa thuận quốc tế được phê duyệt dự toán thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Cơ quan thẩm định nhận thấy, quy định nêu trên là không trái quy định pháp luật. Tuy nhiên, Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND có phạm vi điều chỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của **cơ quan cấp tỉnh** trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Theo quy định của Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 thì bên ký kết Việt Nam ngoài cơ quan nhà nước cấp tỉnh là Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì còn có cơ quan chuyên

môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới... Như vậy, trường hợp thỏa thuận quốc tế được ký kết với bên ký kết Việt Nam là Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới... được phê duyệt dự toán thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì việc thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND là chưa phù hợp, vượt quá phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, bổ sung nội dung liên quan đến quy định chuyên tiếp về mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế đảm bảo đầy đủ, bao quát các trường hợp có thể phát sinh trên thực tế của địa phương.

3.4. Đối với các mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế cụ thể, đề nghị Sở Tài chính căn cứ quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC và các văn bản pháp luật khác có liên quan, tình hình thực tế của địa phương, khả năng cân đối ngân sách địa phương, chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định đối với các mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế cụ thể*). Bên cạnh đó, Sở Tư pháp cũng nhận thấy, một số mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế dự kiến quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết là mức chi áp dụng chung đối với việc ký kết và thực hiện tất cả thỏa thuận quốc tế⁽⁴⁾. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, làm rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chung nêu trên.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*) và Mẫu số 16. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (*quy định trực tiếp*) (*của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP*). Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại một số nội dung sau đây:

4.1. Tại điểm b, điểm c, khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không sử dụng ký hiệu (-) để thể hiện các ý trong một điểm theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

4.2. Tại phần nơi nhận của văn bản, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định **chính xác** cơ quan, tổ chức nhận văn bản theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (*Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*).

⁽⁴⁾ Thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan nhà nước cấp tỉnh (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thỏa thuận quốc tế nhân danh cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới...

4.3. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày kỹ thuật viện dẫn văn bản theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)⁽⁵⁾.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết⁽⁶⁾; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết **chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh** xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được cơ quan thẩm định nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi Báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “Quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum”. Kính gửi Sở Tài chính theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng

⁽⁵⁾ Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.

⁽⁶⁾ Công văn số 3349/STC-QLNS ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài chính.